

CÔNG TY CP BẢO HIỂM
NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Số: 440/2009/QĐ-ABIC-PHH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
==oo==

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: Ban hành Quy tắc và Biểu phí nghiệp vụ bảo hiểm Bảo an Chủ thẻ)

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CP BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

- Căn cứ giấy phép thành lập và hoạt động số 38GP/KDBH của Bộ Tài chính cấp ngày 18 tháng 10 năm 2006;
- Căn cứ Công văn số 7042/BTC-BH của Bộ Tài chính về việc chấp thuận danh mục các sản phẩm bảo hiểm;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp;
- Theo đề nghị của Bà Trưởng Phòng Phi hàng hải Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này Quy tắc, Biểu phí và Điều khoản bổ sung nghiệp vụ bảo hiểm Bảo an Chủ thẻ.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và được áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống Công ty Cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.

Điều 3: Các Ông (Bà) Trưởng Phòng Phi hàng hải, các Phòng, Ban có liên quan, Giám đốc các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Hội đồng quản trị (để báo cáo);
- Ban Điều hành (để thực hiện);
- Như điều 3;
- Lưu PHH, VT.

Q.TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐỖ MINH HOÀNG

QUY TẮC BẢO HIỂM BẢO AN CHỦ THẺ

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../HOT/2009/QĐ-ABIC-PHH ngày 24/10/2009
của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp)

I. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Giải thích thuật ngữ:

Các thuật ngữ sử dụng dưới đây được hiểu như sau:

ABIC	Là Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.
Ngân hàng	Là đơn vị được phép phát hành và/hoặc thanh toán thẻ theo quy định của pháp luật.
Thẻ	Là công cụ thanh toán không dùng tiền mặt mà người chủ thẻ có thể sử dụng để rút tiền mặt hoặc thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ tại các điểm chấp nhận thanh toán bằng Thẻ. Thẻ do các Ngân hàng phát hành.
Chủ thẻ	Là người có tên ghi trên Thẻ.
Khoản nợ của Chủ thẻ	Là số tiền mà Chủ thẻ có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng bao gồm các khoản chi tiêu cùng các khoản lãi và phí phát sinh chưa thanh toán của Chủ thẻ.
Bên mua bảo hiểm	Là các Chủ thẻ hoặc Ngân hàng yêu cầu bảo hiểm và đóng phí bảo hiểm theo các điều khoản và điều kiện của Quy tắc bảo hiểm này.
Người được bảo hiểm	Là Chủ thẻ được ABIC chấp nhận bảo hiểm theo quy tắc bảo hiểm này và được hưởng quyền lợi bảo hiểm khi có sự kiện bảo hiểm xảy ra.
Hợp đồng bảo hiểm	Là thỏa thuận bằng văn bản giữa Bên mua bảo hiểm và ABIC trong đó ghi nhận các quyền lợi, nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và ABIC. Hợp đồng bảo hiểm có thể được thể hiện dưới hình thức Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc Thẻ bảo hiểm
Giấy yêu cầu bảo hiểm	Là một bộ phận cấu thành của hợp đồng bảo hiểm. Giấy yêu cầu bảo hiểm có thể được cung cấp theo mẫu của ABIC hoặc được thể hiện như là một nội dung của đề nghị mở Thẻ.
Số tiền bảo hiểm	Được ghi trong Hợp đồng bảo hiểm là giới hạn trách nhiệm tối đa của ABIC cho mỗi sự kiện bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm có quyền lựa chọn số tiền bảo hiểm, phí bảo hiểm trên cơ sở “Biểu phí và Số tiền bảo hiểm” theo Quy tắc bảo hiểm này.

Phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm được quy định trong Hợp đồng bảo hiểm căn cứ vào “Biểu phí và Số tiền bảo hiểm” theo Quy tắc bảo hiểm này.
Tai nạn	Là một sự kiện bất ngờ hoặc một chuỗi sự kiện bất ngờ không lường trước, gây ra bởi một lực từ bên ngoài không chủ định và nằm ngoài tầm kiểm soát của Người được bảo hiểm, phát sinh trong thời hạn được bảo hiểm và là nguyên nhân trực tiếp làm cho Người được bảo hiểm thương tật thân thể hoặc tử vong.
Sự kiện bảo hiểm	Là sự kiện khách quan do ABIC và Bên mua bảo hiểm thỏa thuận theo Quy tắc bảo hiểm này mà khi sự kiện đó xảy ra thì ABIC phải trả tiền cho Người được bảo hiểm.
Bệnh viện	Là một cơ sở khám chữa bệnh hợp pháp được nhà nước công nhận có khả năng và phương tiện chuẩn đoán bệnh, điều trị và phẫu thuật, có điều kiện thuận lợi cho việc điều trị và có phiếu theo dõi sức khỏe hàng ngày cho mỗi bệnh nhân.
Thương tật toàn bộ vĩnh viễn	Là thương tật làm cho Người được bảo hiểm không thể tham gia vào công việc hoặc mất hoàn toàn khả năng lao động.
Thương tật bộ phận vĩnh viễn	Là thương tật làm cho Người được bảo hiểm phải cách ly khỏi một phần công việc và không có khả năng phục hồi chức năng của bộ phận cơ thể đó.
Thương tật tạm thời	Là tình trạng mà Người được bảo hiểm bị thương tật không thể thực hiện được công việc của mình nhưng tình trạng thương tật đó không phải là vĩnh viễn.

II. PHẠM VI BẢO HIỂM

Điều 2. Phạm vi bảo hiểm

ABIC nhận bảo hiểm những tai nạn xảy ra trong lãnh thổ Việt Nam đối với Người được bảo hiểm trừ những trường hợp loại trừ bảo hiểm quy định tại Điều 3 của Quy tắc bảo hiểm này.

III. LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

Điều 3. Loại trừ bảo hiểm

ABIC không chịu trách nhiệm trả tiền bảo hiểm trong những trường hợp sau:

1. Hành động cố ý của Người được bảo hiểm hoặc của người thụ hưởng trừ trường hợp Người được bảo hiểm có hành động cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân và tham gia chống các hành động phạm pháp;
2. Người được bảo hiểm tham gia các hoạt động thể thao có tính chất chuyên nghiệp như: đua xe, đua ngựa, bóng đá, đấm bốc, leo núi, lướt ván, đua thuyền, khảo sát, thám hiểm...
3. Người được bảo hiểm sử dụng rượu bia, ma túy, hoặc các chất kích thích tương 

- tự khác vượt quá nồng độ theo quy định của pháp luật;
4. Người được bảo hiểm tham gia đánh nhau, trừ khi được xác nhận đó là hành động tự vệ;
 5. Cảm đột ngột, trúng gió, bệnh tật, sẩy thai, bệnh nghề nghiệp, những tai biến trong quá trình điều trị bệnh và thai sản;
 6. Ngộ độc thức ăn, đồ uống;
 7. Điều trị hoặc sử dụng thuốc không theo chỉ dẫn của cơ quan y tế;
 8. Các hoạt động hàng không (trừ khi với tư cách là hành khách), các cuộc diễn tập, huấn luyện quân sự, tham gia chiến đấu của các lực lượng vũ trang;
 9. Động đất, núi lửa, nhiễm phóng xạ, chiến tranh, đình công, nội chiến, nổi loạn, cướp chính quyền, bạo động, khủng bố.

IV. QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM

Điều 4. Quyền lợi bảo hiểm

1. Trường hợp Người được bảo hiểm chết do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm. ABIC trả toàn bộ Số tiền bảo hiểm ghi trên Hợp đồng bảo hiểm.
2. Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật vĩnh viễn do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm, ABIC trả tiền theo "Bảng tỷ lệ trả tiền thương tật" kèm theo Quy tắc.
3. Trường hợp Người được bảo hiểm bị thương tật tạm thời do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm, ABIC sẽ chi trả như sau:
 - 3.1 Nếu số tiền bảo hiểm đến 20 triệu đồng, ABIC trả tiền theo "Bảng tỷ lệ trả tiền thương tật" kèm theo Quy tắc.
 - 3.2 Nếu số tiền bảo hiểm trên 20 triệu đồng, ABIC chi trả những chi phí thực tế hợp lý bao gồm: chi phí cấp cứu, chi phí điều trị và chi phí bồi dưỡng trong thời gian điều trị nội, ngoại trú, mức chi bồi dưỡng mỗi ngày 0,1% Số tiền bảo hiểm và tối đa không quá 180 ngày/vụ tai nạn. Số ngày điều trị nội trú, ngoại trú được xác định theo chỉ định của Bác sĩ điều trị nhưng không quá số ngày nghỉ làm việc do hậu quả của tai nạn được xác định theo xác nhận của đơn vị công tác.

Tổng mức chi trả cho thương tật tạm thời tối đa không vượt quá số tiền quy định cho tình trạng thương tật đó trong "Bảng tỷ lệ trả tiền thương tật" kèm theo Quy tắc.
4. Trường hợp Người được bảo hiểm bị tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm đã được trả tiền bảo hiểm, trong vòng 01 năm kể từ ngày xảy ra tai nạn, Người được bảo hiểm bị chết do hậu quả của tai nạn đó, ABIC trả thêm phần chênh lệch giữa Số tiền bảo hiểm ghi trên Hợp đồng bảo hiểm với số tiền đã trả cho tai nạn đó.
5. Trường hợp hậu quả của tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm bị trầm trọng hơn do bệnh tật hoặc sự tàn tật có sẵn của Người được bảo hiểm hoặc điều trị vết thương không kịp thời và không theo chỉ dẫn của cơ quan y tế thì ABIC chỉ trả tiền bảo hiểm như đối với loại vết thương tương tự ở người có sức khỏe bình thường được điều trị một cách hợp lý.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM/BÊN MUA BẢO HIỂM

Điều 5. Trách nhiệm của Người được bảo hiểm/Bên mua bảo hiểm

1. Kê khai trung thực, đầy đủ theo các quy định trong Giấy yêu cầu bảo hiểm và nộp phí bảo hiểm đúng, đủ theo quy định tại Hợp đồng bảo hiểm.
2. Trung thực trong việc khai báo và cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ chính xác về rủi ro được bảo hiểm.
3. Khi xảy ra rủi ro, phải áp dụng mọi biện pháp cần thiết và có thể thực hiện được để ngăn ngừa hạn chế tổn thất.

VI. HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Điều 6: Phụ lục hợp đồng/Sửa đổi bổ sung.

Trong trường hợp tại Hợp đồng bảo hiểm và/hoặc Phụ lục hợp đồng/Sửa đổi bổ sung (nếu có) quy định những điểm khác với Quy tắc bảo hiểm này thì hai bên phải tuân thủ theo những điều đã ghi trong Hợp đồng bảo hiểm và/hoặc Phụ lục hợp đồng/Sửa đổi bổ sung nếu chúng không trái với quy định của pháp luật Nhà nước Việt Nam.

Điều 7. Thời hạn bảo hiểm, hiệu lực bảo hiểm.

Thời hạn bảo hiểm là một năm hoặc theo thỏa thuận.

Hiệu lực bảo hiểm được thể hiện trên Hợp đồng bảo hiểm và khi Bên mua bảo hiểm thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ theo thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 8. Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm

Trường hợp một trong hai bên đề nghị chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm, Bên yêu cầu chấm dứt phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 30 ngày kể từ ngày yêu cầu chấm dứt. Nếu Hợp đồng bảo hiểm được hai bên thoả thuận chấm dứt, ABIC sẽ hoàn trả 70% phí bảo hiểm của thời gian còn lại, với điều kiện đến thời điểm đó Hợp đồng bảo hiểm này chưa có lần nào được ABIC chấp nhận trả tiền bảo hiểm.

VII. GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Điều 9. Thời hạn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm

1. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm, Người được bảo hiểm/Người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm phải thông báo cho ABIC bằng văn bản, trừ trường hợp có lý do chính đáng.
2. Thời hạn yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm là 01 năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm, trừ trường hợp chậm trễ do nguyên nhân khách quan và bất khả kháng theo quy định của pháp luật. Quá thời hạn quy định mọi yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm không có giá trị.
3. Sau khi nhận được thông báo về sự kiện bảo hiểm, ABIC được quyền kiểm tra, xác minh, giám định để phục vụ cho việc giải quyết quyền lợi bảo hiểm. Mọi chi phí liên quan đến việc kiểm tra, xác minh và giám định đều do ABIC chịu.

Điều 10. Hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm

Khi yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm, Người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm phải gửi cho ABIC các giấy tờ sau đây:

- Thông báo tai nạn và yêu cầu trả tiền bảo hiểm (theo mẫu của ABIC);
- Giấy chứng nhận bảo hiểm/Thẻ bảo hiểm (bản sao có xác nhận sao y bản chính);
- Các chứng từ y tế hợp lệ của bệnh viện liên quan đến việc điều trị: Giấy ra viện, Phiếu mổ, Phiếu điều trị, Đơn thuốc, Biên lai thu tiền viện phí, phim X-quang...;
- Trường hợp người thụ hưởng là người thừa kế hợp pháp phải có thêm giấy xác nhận quyền thừa kế hợp pháp. Trường hợp Người được bảo hiểm ủy quyền cho người khác nhận số bảo hiểm, phải có giấy ủy quyền hợp pháp;
- Biên bản tai nạn có xác nhận của cơ quan, chính quyền địa phương hoặc công an nơi Người được bảo hiểm bị tai nạn (trường hợp bị tai nạn), trường hợp đặc biệt chấp nhận xác nhận của Ngân hàng nơi Người được bảo hiểm cư trú để thay thế;
- Giấy chứng tử hoặc các giấy tờ tương đương khác (trường hợp tử vong);
- Các giấy tờ cần thiết khác có liên quan đến việc giải quyết quyền lợi bảo hiểm.

Điều 11. Trả tiền bảo hiểm

1. Thời hạn trả tiền bảo hiểm của ABIC là 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm đầy đủ và hợp lệ và không kéo dài quá 30 ngày trong trường hợp phải tiến hành xác minh hồ sơ.
2. Trường hợp Người được bảo hiểm tử vong hoặc thương tật toàn bộ vĩnh viễn, ABIC sẽ thay mặt Người được bảo hiểm thanh toán Khoản nợ của Chủ thẻ cho Ngân hàng. Phần chênh lệch giữa số tiền bảo hiểm và Khoản nợ của Chủ thẻ (nếu có) sẽ được thanh toán cho Người được bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng hoặc Người được ủy quyền hợp pháp.
4. Trường hợp từ chối trả tiền bảo hiểm, ABIC phải thông báo bằng văn bản cho Người được bảo hiểm hoặc thân nhân của Người được bảo hiểm biết lý do từ chối trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm đầy đủ và hợp lệ.

Điều 12. Áp dụng chế tài chi trả quyền lợi bảo hiểm:

ABIC có quyền từ chối một phần hoặc toàn bộ số tiền chi trả bảo hiểm tùy theo mức độ vi phạm trong các trường hợp sau đây :

1. Trường hợp Người được bảo hiểm vi phạm pháp luật, vi phạm nội quy, quy định của cơ quan của chính quyền địa phương, hoặc của các tổ chức xã hội khác, vi phạm luật lệ an toàn giao thông.
2. Trường hợp Người được bảo hiểm/Bên mua bảo hiểm không tuân thủ và thực hiện đúng các điều khoản quy định trong Quy tắc và Hợp đồng bảo hiểm.
3. Trường hợp Người được bảo hiểm/Người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm không trung thực trong việc thực hiện các điều khoản quy định trong Quy tắc và Hợp đồng bảo hiểm.
4. Trường hợp Người được bảo hiểm/Người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm *keo*

thông báo sự kiện bảo hiểm quá thời gian quy định.

VIII. KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Điều 13. Thời hiệu khởi kiện

Thời hiệu khởi kiện về việc giải quyết quyền lợi bảo hiểm là 03 năm kể từ ngày nhận được thông báo của ABIC về việc giải quyết quyền lợi bảo hiểm. Quá thời hạn trên, mọi khiếu nại bị bác bỏ cho mọi mục đích và không còn được phục hồi.

Điều 14. Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp trước hết đều phải được giải quyết trên cơ sở thương lượng giữa các bên. Nếu không giải quyết được bằng thương lượng một trong các bên có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết ở Việt Nam theo quy định của pháp luật. Bên thua kiện phải chịu mọi lệ phí và chi phí khác phát sinh trong quá trình Tòa án giải quyết.

Quy tắc bảo hiểm này sẽ được điều chỉnh và được giải thích theo luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và bất kỳ xung đột hoặc bất đồng nào phát sinh theo Quy tắc bảo hiểm này sẽ được giải quyết theo luật pháp nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Q.TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐỖ MINH HOÀNG

BIỂU PHÍ VÀ SỐ TIỀN BẢO HIỂM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 410/QĐ-ABIC-PHH ngày 24/02/2009
của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp)

1. Phí bảo hiểm 01người/năm:

- Phí bảo hiểm được xác định bằng tỷ lệ % trên Số tiền bảo hiểm.
- Bảng tỷ lệ phí theo Số tiền bảo hiểm:

Đơn vị tính: triệu đồng

Số tiền BH	Từ 01-20	Trên 20- 50	Trên 50-70	Trên 70-100
Tỷ lệ phí BH	0,28%	0,42%	0,56%	0,75%

2. Phí bảo hiểm dài hạn: xác định bằng tỷ lệ % trên phí bảo hiểm năm.

Thời hạn bảo hiểm	Tỷ lệ phí
Trên 12 đến 18 tháng	140%
Trên 18 đến 24 tháng	180%
Trên 24 đến 30 tháng	235%
Trên 30 đến 36 tháng	240%

3. Mức giảm phí đối với các Hợp đồng bảo hiểm theo nhóm:

- Trên 1.000 người : giảm 10% tổng phí
- Trên 5.000 người : giảm 15% tổng phí
- Trên 10.000 người : giảm 20% tổng phí
- Trên 20.000 người : theo thoả thuận từng Hợp đồng

Q.TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐỖ MINH HOÀNG

ĐIỀU KHOẢN BỒ SUNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 440/B/2009/QĐ-ABIC-PHH ngày 24/10/2009
của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp)

Trên cơ sở các điều kiện, điều khoản của Quy tắc bảo hiểm này, nếu Người mua bảo hiểm yêu cầu và nộp phụ phí theo quy định, ABIC nhận bồi sung vào Hợp đồng bảo hiểm theo từng điều khoản sau:

I. ĐIỀU KHOẢN BỒ SUNG 001-BACT: Mở rộng phạm vi địa lý

Phạm vi địa lý áp dụng: Toàn thế giới.

Theo điều khoản bồi sung này, ABIC nhận bảo hiểm cho các tai nạn xảy ra đối với Người được bảo hiểm ngoài lãnh thổ Việt Nam

Phụ phí: 0.1% trên Số tiền bảo hiểm/năm.

II. ĐIỀU KHOẢN BỒ SUNG 002-BACT: Dịch vụ hỗ trợ và tư vấn

Khi ra khỏi lãnh thổ Việt Nam Người được bảo hiểm được sử dụng các dịch vụ hỗ trợ và tư vấn do International SOS cung cấp:

1. Các dịch vụ hỗ trợ và tư vấn:

Công ty cứu trợ quốc tế International SOS (Intl.SOS) sẽ cung cấp các dịch vụ hỗ trợ và tư vấn cho Người được bảo hiểm, bao gồm:

Dịch vụ hỗ trợ lữ hành: bao gồm

- Thông tin trước chuyến đi: Intl.SOS sẽ cung cấp thông tin liên quan đến Visa và nhập cảnh của tất cả các nước trên thế giới.
- Thông tin Đại sứ quán và Lãnh sự quán: Intl.SOS sẽ cung cấp địa chỉ, số điện thoại và thời gian làm việc của các Đại sứ quán, Lãnh sự quán gần nhất trên phạm vi toàn thế giới.
- Hướng dẫn thủ tục khi thất lạc hành lý: Intl.SOS sẽ hướng dẫn thủ tục cho Người được bảo hiểm bị mất hành lý khi họ đi ra khỏi phạm vi chính quốc hoặc quốc gia thường trú.
- Hướng dẫn thủ tục khi mất Hộ chiếu: Intl.SOS sẽ hỗ trợ Người được bảo hiểm bị mất Hộ chiếu khi họ đi ra khỏi phạm vi chính quốc hoặc quốc gia thường trú bằng cách hướng dẫn làm lại Hộ chiếu tạm hoặc Hộ chiếu mới tùy trường hợp cụ thể.
- Trợ giúp các thông tin về thời tiết và tỷ giá hối đoái: Intl.SOS sẽ hỗ trợ bằng việc cung cấp các dịch vụ thông tin bao gồm các thông tin về thời tiết và tỷ giá hối đoái.
- Hỗ trợ tin nhắn khẩn cấp: trong trường hợp khẩn cấp, Intl.SOS sẽ trợ giúp Người được bảo hiểm nhắn tin khẩn cấp cho thân nhân, bạn bè hoặc đồng nghiệp theo yêu cầu của Người được bảo hiểm.
- Thông tin về dịch thuật: Intl.SOS sẽ cung cấp thông tin về địa chỉ, điện thoại và giờ làm việc của các thông dịch viên trên toàn thế giới.

Dịch vụ hỗ trợ y tế: bao gồm

- Hỗ trợ tư vấn y tế qua điện thoại: Intl.SOS sẽ cung cấp dịch vụ tư vấn y khoa trên điện

thoại cho Người được bảo hiểm.

- Thông tin về nhà cung cấp dịch vụ y tế: Intl.SOS sẽ giới thiệu tên, địa chỉ, điện thoại của bác sĩ, bệnh viện, nha sỹ và các Phòng khám y khoa. Intl.SOS sẽ không chịu trách nhiệm chỉ định bác sĩ chuyên khoa thích hợp để điều trị, chẩn đoán cho các trường hợp đặc biệt của Người được bảo hiểm. Intl.SOS sẽ không chịu trách nhiệm về các kết quả điều trị các nhà cung cấp dịch vụ y tế cung cấp mà Intl.SOS giới thiệu. Lựa chọn cuối cùng về nhà cung cấp dịch vụ y tế do Người được bảo hiểm quyết định.
- Hỗ trợ sắp xếp khám bệnh với bác sĩ địa phương, cơ sở y tế tại địa phương: Intl.SOS sẽ trợ giúp Người được bảo hiểm bằng cách hỗ trợ sắp xếp với cơ sở y tế tại địa phương hoặc, đặt cuộc hẹn với bác sĩ địa phương để khám chữa bệnh.
- Hỗ trợ sắp xếp nhập viện: Nếu tình trạng bệnh của Người được bảo hiểm cần phải nhập viện thì Intl.SOS sẽ trợ giúp và hướng dẫn Người được bảo hiểm những thủ tục để việc nhập viện được nhanh chóng hơn.
- Sắp đặt thăm bệnh nhân: Intl.SOS sẽ trợ giúp đặt giữ chỗ vé máy bay cho người thân hoặc bạn bè của người sử dụng khi được điều trị ở một nơi không phải chính quốc hoặc nước thường trú.

2. Phụ phí: Định phí căn cứ vào từng Hợp đồng bảo hiểm.



BẢNG TỶ LỆ TRẢ TIỀN THƯƠNG TẬT

*(Ban hành kèm theo Quyết định số .HĐ.08/2009/QĐ-ABIC-PHH ngày 24/1/2009
của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp)*

TT	1. TÌNH TRẠNG THƯƠNG TẬT	TỶ LỆ PHẦN TRĂM TRÊN STBH (%)	
		Tối thiểu	Tối đa
I. THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ			
1	Mù hoặc mất hoàn toàn hai mắt	-	100
2	Rối loạn tâm thần hoàn toàn không thể chữa được	-	100
3	Hỗn hoài hoàn toàn chức năng nhai và nói	-	
4	Mất hoặc liệt hoàn toàn hai tay (từ vai hoặc khuỷu xuống) hoặc hai chân (từ háng hoặc đầu gối xuống)	-	100
5	Mất cả hai bàn tay hoặc hai bàn chân, hoặc mất một cánh tay và một bàn chân, hoặc một cánh tay và một cẳng chân, hoặc một bàn tay và một cẳng chân, hoặc một bàn tay và một bàn chân	-	100
6	Mất hoàn toàn khả năng lao động và làm việc (toàn bộ bị tê liệt, bị thương dẫn đến tình trạng nằm liệt giường hoặc dẫn đến tàn tật toàn bộ vĩnh viễn)	-	100
7	Cắt toàn bộ một bên phổi và một phần phổi bên kia		100
II. THƯƠNG TẬT BỘ PHẬN			
	A. CHI TRÊN		
8	Mất một cánh tay từ vai xuống (tháo khớp vai)	75	85
9	Cắt cụt cánh tay từ dưới vai xuống	70	80
10	Cắt cụt một cánh tay từ khuỷu xuống (tháo khớp khuỷu)	65	75
11	Mất trọn 1 bàn tay hay 5 ngón tay của một bàn	60	70
12	Mất 4 ngón tay trên một bàn	40	50
13	Mất ngón trái và ngón trỏ	35	45
14	Mất 3 ngón tay: Ngón trỏ, ngón giữa và ngón đeo nhẫn	30	35
15	Mất 1 ngón cái và 2 ngón khác	35	40
16	Mất 1 ngón và 1 ngón khác	30	35
17	Mất một ngón trỏ và 2 ngón khác	35	40
18	Mất 1 ngón trỏ và 1 ngón giữa	30	35
19	Mất 1 ngón cái và 1 đốt bàn	25	30
	- Mất 1 ngón cái	20	25
	- Mất cả đốt ngoài	10	15
	- Mất 1/2 đốt ngoài	07	10
20	Mất 1 ngón trỏ và 1 đốt bàn	20	25
	- Mất 1 ngón trỏ	18	22
	- Mất 2 đốt 2 và 3	10	12
	- Mất đốt 3	08	10
21	Mất trọn 1 ngón giữa hoặc ngón đeo nhẫn (cả một đốt bàn)	18	22
	- Mất 1 ngón giữa hoặc 1 ngón nhẫn	15	18
	- Mất 2 đốt 2 và 3	08	12
	- Mất đốt 3	04	07
22	Mất hoàn toàn 1 ngón út và đốt bàn	15	20
	- Mất cả ngón út	10	15
	- Mất 2 đốt 2 và 3	08	10



	- Mất 3 đốt	04	07
23	Cứng khớp bả vai	25	35
24	Cứng khớp khuỷu tay	25	35
25	Cứng khớp cổ tay	25	35
26	Gãy tay can lệch hoặc mất xương làm chi ngắn trên 3 cm và chấn năng quay sấp ngửa hạn chế hoặc tạo thành khớp giả	25	35
27	Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, can xâu, hạn chế cử động khớp vai	35	45
28	Gãy xương cánh tay - Can tốt, cử động bình thường	15	25
	- Can xâu, teo cơ	25	30
29	Gãy 2 xương hai cẳng tay	12	25
30	Gãy 1 xương quay hoặc trụ	10	20
31	Khớp giả 2 xương	25	35
32	Khớp giả 1 xương	15	20
33	Gãy đầu dưới xương quay	10	18
34	Gãy móm chân quay hoặc trụ	08	15
35	Gãy xương cổ tay	10	18
36	Gãy xương đốt bàn (tuỳ mức độ 1 đến nhiều đốt)	08	15
37	Gãy xương đòn - Can tốt	08	12
	- Can xâu, cứng vai	18	25
	- Có chèn ép thân kinh mũ	30	35
38	Gãy xương bả vai - Gãy vỡ, khuyết phần thân xương	10	15
	- Gãy vỡ ngang ngang	17	22
	- Gãy vỡ phần khớp vai	30	40
39	Gãy xương ngón tay (tuỳ mức độ 1 đến nhiều ngón)	03	12
B. CHI DƯỚI			
40	Mất một chân từ hông xuống (tháo khớp háng 1 đùi)	75	85
41	Cắt cụt 1 đùi - 1/3 trên	70	80
	- 1/3 giữa hoặc dưới	55	75
42	Cắt cụt 1 chân từ gối xuống (tháo khớp gối)	60	70
43	Tháo khớp cổ chân hoặc mất 1 bàn chân	55	65
44	Mất xương sên	35	40
45	Mất xương gót	35	45
46	Mất đoạn xương chày, mác, gãy khớp già cẳng chân	35	45
47	Mất đoạn xương mác	20	30
48	Mất mất cá chân - Mất cá ngoài	10	15
	- Mất cá trong	15	20
49	Mất cả 5 ngón chân	45	55
50	Mất 4 ngón cả ngón cái	38	48
51	Mất 4 ngón trừ ngón cái	35	45
52	Mất 3 ngón 3-4-5	25	30
53	Mất 3 ngón 1-2-3	30	35
54	Mất 1 ngón cái và 2 ngón	20	25
55	Mất 1 ngón cái	15	20
56	Mất 1 ngón ngoài ngón cái	10	15

57	Mất 1 đốt ngón cái	08	12
58	Cứng khớp háng	45	55
59	Cứng khớp gối	30	40
60	Mất phần lớn xương bánh chè và giới hạn nhiều khả năng duỗi cẳng chân trên đùi	45	55
61	Gãy chân can lệch hoặc mất xương làm ngăn chi	40	45
	- Ít nhất 5 cm	35	40
	- Từ 3-5 cm		
62	Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông kheo ngoài	35	45
63	Liệt hoàn toàn dây thần kinh kheo trong	25	35
64	Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới (trường hợp phải mổ được thanh toán mức tối đa)		
	- Can tốt	20	30
	- Can xấu, trực lệch, chân dạng hoặc khép, teo cơ	30	40
65	Khớp già cổ xương đùi	45	55
66	Gãy 2 xương cẳng chân (chày và mác)	20	30
67	Gãy xương chày	15	22
68	Gãy đoạn mâm chày	15	25
69	Gãy xương mác	10	20
70	Đứt gân bánh chè	15	25
71	Vỡ xương bánh chè (trường hợp mổ thanh toán tối đa)	10	20
72	Vỡ xương bánh chè bị cứng khớp gối hoặc teo cơ tứ đầu (tuỳ theo mức độ)	25	30
73	Đứt gân Achille (đã nối lại)	15	20
74	Gãy xương đốt bàn (tuỳ theo mức độ 1 đến nhiều đốt)	07	12
75	Vỡ xương gót	15	25
76	Gãy xương thuyền	15	22
77	Gãy xương ngón chân (tuỳ mức độ 1 đến nhiều ngón)	04	12
78	Gãy ngành ngang xương mu	25	32
79	Gãy ụ ngồi	25	30
80	Gãy xương cánh chậu 1 bên	20	30
81	Gãy xương chậu 2 bên, méo xương chậu (tuỳ mức độ ảnh hưởng đến sinh đẻ)	40	60
82	Gãy xương cùng		
	- Không rối loạn cơ tròn	10	15
	- Có rối loạn cơ tròn	25	35
C. CỘT SỐNG			
83	Cắt bỏ cung sau		
	- Cửa 1 đốt sống	35	40
	- Cửa 2-3 đốt sống trở lên	45	60
84	Gãy xẹp thân 1 đốt sống (không liệt tuỷ)	30	40
85	Gãy xẹp thân 2 đốt sống trở lên (không liệt tuỷ)	45	60
86	Gãy vỡ mỏm gai hoặc mỏm bên		
	- Cửa 1 đốt sống	10	17
	- Cửa 2-3 đốt sống	25	45
D. SƠ NÃO			
87	Khuyết xương sọ (chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần)		
	- Đường kính 6 cm	25	40
	- Đường kính từ 6 -10 cm	40	60

	- Đường kính trên 10 cm	50	70
88	Rối loạn ngôn ngữ do ảnh hưởng của vết thương đại não		
	- Nói ngọng, nói lắp khó khăn ảnh hưởng đến giao tiếp	30	40
	- Không nói được (câm) do tổn hại vùng Broca	60	70
	- Mất khả năng giao dịch bằng chữ viết (mất nhận biết về ngôn ngữ do tổn hại vùng Wernicke)	55	70
89	Lột da đầu toàn bộ (một phần theo tỷ lệ)	45	55
90	Vết thương sọ não hở		
	- Xương bị nứt rạn	40	50
	- Lún xương sọ	30	40
	- Nhiều mảnh xương đi sâu vào não	50	60
91	Chấn thương sọ não kín		
	- Vỡ xương sọ (đường rạn nứt thường, lõm hoặc lún xương)	20	30
	- Vỡ xương lan xuống nền sọ, không có liệt dây thần kinh ở nền sọ	30	40
	- Vỡ xương lan xuống nền sọ, liệt dây thần kinh ở nền sọ	40	50
92	Chấn thương sọ não		
	- Chấn động não	08	15
	- Phù não	40	50
	- Giập não, bẹp não	50	60
	- Chảy máu khoang dưới nhện	40	50
	- Máu tụ trong sọ (ngoài màng cứng, trong màng cứng, trong não)	30	40
E. LÒNG NGỰC			
93	Cắt bỏ 1-2 xương sườn	15	20
94	Cắt bỏ từ 3 xương sườn trở lên	25	35
95	Cắt bỏ đoạn mỗi xương sườn	08	10
96	Gãy 1 đến 2 xương sườn	07	12
97	Gãy 3 xương sườn trở lên	15	25
98	Gãy xương ức đơn thuần (chức năng phân tim và hô hấp bình thường)	15	20
99	Mẻ hoặc rạn xương ức	10	15
100	Cắt toàn bộ một bên phổi	70	80
101	Cắt nhiều thuỷ phổi ở 2 bên, DTS giảm trên 50%	65	75
102	Cắt nhiều thuỷ phổi ở 1 bên	50	60
103	Cắt 1 thuỷ phổi	35	45
104	Tràn dịch, khí, máu, màng phổi (chỉ chọ hút đơn thuần)	04	10
105	Tràn khí, máu màng phổi (phải dẫn lưu mồ cầm máu)	20	30
106	Tồn thương các van tim, vách tim do chấn thương (chưa suy tim)	50	60
107	Khâu màng ngoài tim		
	- Phẫu thuật kết quả hạn chế	60	70
	- Phẫu thuật kết quả tốt	35	45
G. BUNG			
108	Cắt toàn bộ dạ dày	75	85
109	Cắt đoạn dạ dày	50	60
110	Cắt gần hết ruột non (còn lại dưới 1 m)	75	85
111	Cắt đoạn ruột non	40	50
112	Cắt toàn bộ đại tràng	75	85
113	Cắt đoạn đại tràng	50	60
114	Cắt bỏ gan phải đơn thuần	70	80
115	Cắt bỏ gan trái đơn thuần	60	70
116	Cắt phân thuỷ gan, tuỷ vị trí, số lượng và kết quả phẫu thuật	40	60

117	Cắt bỏ túi mật	45	55
118	Cắt bỏ lá lách	40	50
119	Cắt bỏ đuôi tụy, lách	60	70
120	Khâu lỗ thủng dạ dày	25	35
121	Khâu lỗ thủng ruột non (tuỳ theo mức độ thủng 1 lỗ hay nhiều lỗ)	30	45
122	Khâu lỗ thủng đại tràng	30	40
123	Đụng rập gan, khâu gan	35	45
124	Khâu vỏ lá lách	25	35
125	Khâu tụy	30	35
H. CƠ QUAN TIẾT NIÊU, SINH DỤC			
126	Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bình thường	50	60
127	Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bị tổn thương hoặc bệnh lí	70	80
128	Cắt 1 phần thận trái hoặc phải	30	40
129	Chấn thương thận (tuỳ theo mức độ 1 và 2 bên)		
	- Nhẹ (không phải xử lí đặc hiệu, theo dõi dưới 5 ngày)	04	08
	- Trung bình (phải dùng thuốc đặc trị, theo dõi trên 5 ngày)	10	15
	- Nặng (có đụng rập, phải can thiệp ngoại khoa)	47	55
130	Cắt một phần bàng quang	27	35
131	Mô thông bàng quang vĩnh viễn	70	80
132	Khâu lỗ thủng bàng quang	30	35
133	Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người		
	- Dưới 55 tuổi chưa có con	70	80
	- Dưới 55 tuổi có con rồi	55	65
	- Trên 55 tuổi	35	40
134	Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người		
	- Dưới 45 tuổi chưa có con	60	70
	- Dưới 45 tuổi có con rồi	30	40
	- Trên 45 tuổi	25	30
135	Cắt vú ở nữ dưới 45 tuổi		
	- 1 bên	20	30
	- 2 bên	45	55
136	Cắt vú ở nữ trên 45 tuổi		
	- 1 bên	15	20
	- 2 bên	30	40
I. MẮT			
137	Mắt hoặc mù hoàn toàn một mắt		
	- Không lắp được mắt giả	55	65
	- Lắp được mắt giả	50	60
138	Một mắt thị lực còn đến 1/10	30	45
139	Một mắt thị lực còn từ 2/10 đến 4/10	12	20
140	Một mắt thị lực còn từ 5/10 đến 7/10	07	15
141	Mắt hoặc mù hoàn toàn 1 mắt nhưng trước khi xảy ra tai nạn đã mất hoặc mù một mắt	80	90
K. TAI - MŨI - HỌNG			
142	Điếc 2 tai		
	- Hoàn toàn không phục hồi được	75	85
	- Nặng (nói to hoặc thét vào tai còn nghe)	60	70
	- Vừa (nói to 1-2m còn nghe)	35	45
	- Nhẹ (nói to 2-4m còn nghe)	15	25

143	Điếc 1 tai		
	- Hoàn toàn không phục hồi được	30	40
	- Vừa	15	20
	- Nhẹ	08	15
144	Mất vành tai 2 bên	20	40
145	Mất vành tai 1 bên	10	25
146	Sẹo rùm vành tai, chít hẹp ống tai	20	25
147	Mất mũi, biến dạng mũi	18	40
148	Vết thương sang sẹo hép ảnh hưởng đến nuốt	20	40
	L. RĂNG - HÀM - MẶT		
149	Mất 1 phần xương hàm trên và 1 phần xương hàm dưới (từ 1/3 đến bị mất) từ cành cao trở xuống		
	- Khác bên	80	90
	- Cùng bên	70	80
150	Mất toàn bộ xương hàm trên hoặc dưới	70	80
151	Mất một phần xương hàm trên hoặc một phần xương hàm dưới (từ 1/3 đến bị mất) từ cành cao trở xuống	35	45
152	Gãy xương hàm trên và hàm dưới can xáu gây sai khớp cắn nhai, ăn khó	30	35
153	Gãy xương gò má, cung tiếp xương hàm trên hoặc xương hàm dưới gây rối loạn nhẹ khớp cắn và chức năng nhai	15	25
154	Khớp hàm giả do không liền xương hay khuyết tật xương	20	25
155	Mất răng		
	- Trên 8 cái không lắp được răng giả	30	40
	- Từ 5 đến 7 răng	15	25
	- Từ 3 đến 4 răng	08	15
	- Từ 1 đến 2 răng	03	06
156	Mất 3/4 lưỡi còn gốc lưỡi (từ đường gai V trở ra)	75	85
	Mất 2/3 lưỡi từ đầu lưỡi	50	60
	Mất 1/3 lưỡi ảnh hưởng đến phát âm	15	25
	Mất một phần nhỏ lưỡi (dưới 1/3) ảnh hưởng đến phát âm	10	15
	M. VẾT THƯƠNG PHẦN MỀM, BÓNG		
160	Vết thương phần mềm (VTPM) bao gồm rách da, rách niêm mạc, bong gân, sai khớp...không ảnh hưởng tới cơ năng (tuỳ theo mức độ nặng, nhẹ, nhiều, ít)	02	12
161	VTPM gây đau, rát, tê, co kéo (tuỳ theo mức độ rộng, hẹp, nhiều, ít) ảnh hưởng đến gân, cơ, mạch máu lớn, thần kinh	12	25
162	VTPM ở ngực, bóng ảnh hưởng đến hô hấp	35	45
163	VTPM để lại sẹo xơ cứng làm biến dạng mắt gây trở ngại đến ăn, nhai và cử động cổ	40	60
164	VTPM khuyết hông lớn ở xung quanh hốc miệng, vết thương môi và má ảnh hưởng nhiều đến ăn uống	50	60
165	Mất một phần hàm ếch làm thông giữa mũi và miệng	20	30
166	Bóng nồng (độ I, độ II)		
	- Diện tích dưới 5%	03	07
	- Diện tích từ 5 đến 15%	10	15
	- Diện tích trên 15%	15	25
167	Bóng sâu (độ III, độ IV, độ V)		
	- Diện tích dưới 5%	20	35

	- Diện tích từ 5 đến 15%	35	60
	- Diện tích trên 15%	60	80

NGUYÊN TẮC XÉT TRẢ TIỀN BẢO HIỂM

Việc xét trả tiền theo Bảng này sẽ căn cứ trên chứng từ điều trị của nạn nhân và các quy định dưới đây:

1. Mất hẳn chức năng của từng bộ phận hoặc hỏng vĩnh viễn chi được coi như mất từng bộ phận đó hoặc mất chi.
2. Những trường hợp thương tật không liệt kê trong Bảng sẽ được bồi thường theo tỷ lệ trên cơ sở so sánh tính nghiêm trọng của nó với những trường hợp khác có trong Bảng.
3. Vết thương điều trị bình thường, vết thương không bị nhiễm trùng sẽ được trả tiền bảo hiểm tương ứng với mức thấp nhất của thang tỷ lệ trả tiền bảo hiểm quy định cho trường hợp này.
4. Vết thương điều trị phức tạp, vết thương bị nhiễm trùng hoặc sau khi điều trị còn để lại di chứng thì tùy theo mức độ nặng, nhẹ được trả cao dần cho tới mức tối đa của thang tỷ lệ trả tiền bảo hiểm quy định cho trường hợp này.
5. Trường hợp đa vết thương được trả tiền bảo hiểm cho từng vết thương nhưng tổng số tiền được trả cho người được bảo hiểm không vượt quá số tiền bảo hiểm. Trường hợp đa vết thương ở cùng một chi, tổng số tiền chi trả cho vết thương không vượt quá tỷ lệ mất chi đó.
6. Những trường hợp phải mổ lại, đập can xương làm lại được trả thêm 50% mức tối thiểu của thang tỷ lệ trả cho trường hợp đó nhưng tổng số tiền chi trả không vượt quá số tiền bảo hiểm.

Q.TỔNG GIÁM ĐỐC



CÔNG TY CP BẢO HIỂM
NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Số: 144.8/2012/QĐ-ABIC-PHH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc


Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: Ban hành các Điều khoản bổ sung của Quy tắc bảo hiểm Bảo an chủ thẻ)

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CP BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

- Căn cứ giấy phép thành lập và hoạt động số 38GP/KDBH của Bộ Tài chính cấp ngày 18 tháng 10 năm 2006;
- Căn cứ Công văn số 7042/BTC-BH của Bộ Tài chính về việc chấp thuận danh mục các sản phẩm bảo hiểm;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp;
- Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Luật số 61/2010/QH12 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm;
- Căn cứ vào Quy tắc bảo hiểm Bảo an Chủ thẻ ban hành theo Quyết định số 410^B/2009/QĐ-ABIC-PHH của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp ngày 01/3/2009.
- Căn cứ vào đề nghị của Trưởng Phòng Phòng hàng hải;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này là các Điều khoản bổ sung của Quy tắc bảo hiểm Bảo an chủ thẻ.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và được áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.

Điều 3: Các Ông (Bà) Trưởng Phòng Phòng hàng hải, Trưởng các Phòng Công ty, Giám đốc các Đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Hội đồng quản trị;
- Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát;
- Như Điều 3;
- Lưu PHH, VT.



ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG
QUY TẮC BẢO HIỂM BẢO AN CHỦ THẺ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1449/QĐ-ABIC-PHH ngày 26/1/2012 của
Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp)

I. ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG 003-BACT: Bảo hiểm rút tiền tại máy ATM

1. Phạm vi bảo hiểm

Khi Chủ thẻ được bảo hiểm rút tiền tại bất kỳ máy ATM nào bằng thẻ ATM có tham gia Điều khoản bổ sung này và bị cướp/giật xảy ra trong vòng 15 phút kể từ thời điểm rút tiền Chủ thẻ sẽ được bồi thường số tiền rút tại máy ATM.

2. Phạm vi địa lý: Trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

3. Loại trừ bảo hiểm: ABIC không chịu trách nhiệm chi trả quyền lợi bảo hiểm đối với các trường hợp:

- Các thiệt hại và/hoặc trách nhiệm đối với Bên thứ ba;
- Các thiệt hại hoặc tổn thất đối với bất cứ thứ gì ngoài tiền của Chủ thẻ được rút từ tài khoản của Chủ thẻ;
- Các thiệt hại và/hoặc các trách nhiệm xảy ra trước hoặc sau thời gian được bảo hiểm đối với vụ cướp;
- Các chi phí cấp cứu cho người khác ngoài Chủ thẻ.

4. Hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm:

Khi xảy ra tổn thất Chủ thẻ phải thông báo ngay cho ABIC theo số điện thoại đường dây nóng để được hướng dẫn các thủ tục giải quyết quyền lợi bảo hiểm đồng thời thông báo cho cơ quan Công an trên địa bàn để lập Biên bản xác nhận sự việc trong vòng 12 giờ.

Hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bao gồm:

- Giấy yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm (theo mẫu của ABIC);
- Biên bản xác nhận của cơ quan Công an về sự việc đã xảy ra;
- Hóa đơn rút tiền tại máy ATM hoặc sao kê tài khoản;
- Bản sao Chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu (nếu có);
- Các chứng từ khác có liên quan.

5. Mức trách nhiệm và Phụ phí bảo hiểm

- Mức trách nhiệm bảo hiểm: Tối đa 3.000.000 đồng/vụ và 9.000.000 đồng/năm.
- Phụ phí bảo hiểm: Định phí căn cứ vào từng Hợp đồng bảo hiểm.

II. ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG 004-BACT: Bảo hiểm hành lý, tư trang của chuyến đi cá nhân

1. Phạm vi bảo hiểm

Trường hợp Chủ thẻ được bảo hiểm dùng thẻ ATM có tham gia Điều khoản bổ sung này để thanh toán toàn bộ các chi phí vé vé hành khách của chuyến đi cá nhân trong thời hạn hiệu lực bảo hiểm, ABIC sẽ thanh toán các chi phí thất lạc, mất cắp, mất cướp

đối với hành lý, tư trang của Chủ thẻ trong trường hợp Chủ thẻ có nhu cầu mua sắm các đồ vật thay thế các đồ vật đã bị thất lạc, mất cắp, mất cướp trước đó.

Hành lý, tư trang của Chủ thẻ được bảo hiểm bao gồm máy tính cá nhân, điện thoại di động, máy ảnh kỹ thuật số và máy nghe nhạc MP3.

2. Phạm vi địa lý: Trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

3. Loại trừ bảo hiểm: ABIC không chịu trách nhiệm chi trả quyền lợi bảo hiểm đối với các trường hợp:

- Phát sinh trong thời gian chuyến đi dài hơn 03 (ba) tuần hoặc các chuyến đi có khoảng cách dưới 100km;
- Những chuyến đi với mục đích kinh doanh hoặc các chuyến công tác theo yêu cầu của Cơ quan/Đơn vị;
- Xảy ra đối với hành lý, tư trang của Chủ thẻ được chuyên chở như hàng hóa;
- Xảy ra đối với hành lý tư trang được gắn trên nóc xe buýt hoặc để bát cẩn nơi công cộng;
- Xảy ra do hao mòn thông thường, mục nát hoặc do lỗi của nhà sản xuất;
- Xảy ra do nguyên nhân do giật sét;
- Xảy ra do nguyên nhân vệ sinh, sửa chữa hoặc phục chế;
- Xảy ra do nguyên nhân về lỗi của cơ điện, phần mềm hoặc dữ liệu bao gồm nhưng không giới hạn đối với ngắn điện, tăng áp, mất tín hiệu hoặc lỗi của viễn thông hoặc hệ thống vệ tinh;
- Xảy ra do nguyên nhân rò rỉ các chất bột, chất lỏng được mang trong đồ đạc cá nhân hoặc hành lý;
- Xảy ra do hoặc có liên quan đến sự cố hóa học, sinh học và hạt nhân.

4. Hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm:

- Giấy yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm (theo mẫu của ABIC);
- Hóa đơn thanh toán các chi phí về vé hành khách của chuyến đi cá nhân được thực hiện qua thẻ;
- Biên bản xác nhận của cơ quan Công an về sự việc đã xảy ra;
- Hóa đơn thanh toán các chi phí phát sinh trong việc thay thế lại các đồ vật bị thiệt hại.

5. Mức trách nhiệm và Phụ phí bảo hiểm

- Mức trách nhiệm bảo hiểm: Tối đa 3.000.000 đồng/vụ và 9.000.000 đồng/năm.
- Phụ phí bảo hiểm: Định phí căn cứ vào từng Hợp đồng bảo hiểm.

